

30-GIẢI THÍCH TƯỚNG BÁT-NHÃ

Hỏi: Sao chỉ gọi riêng Bát-nhã Ba-la-mật là Đại (Ma ha) mà không gọi năm Ba-la-mật kia?

Đáp: Ma ha, Trung hoa dịch là Đại, Bát-nhã dịch là Tuệ, Ba-la-mật dịch là Đáo bỉ ngạn. Vì đến được bờ kia của biển cả trí tuệ, đến bờ mé của hết thấy trí tuệ, đến chỗ cùng tột nên gọi là đáo bỉ ngạn. Chư Phật trong ba đời mười phương lớn bậc nhất, thứ đến là Bồ-tát, Bích-chi Phật, Thanh-văn; bốn bậc đại nhân ấy đều từ Bát-nhã Ba-la-mật xuất sanh nên gọi là Đại.

Lại nữa, nó hay đem lại cho chúng sanh quả báo lớn, vô lượng vô tận, thường không thay đổi, gọi là Niết-bàn. Còn năm Ba-la-mật kia không được như vậy. Bồ thí v.v... mà lìa Bát-nhã Ba-la-mật thì chỉ đem lại cho chúng sanh quả báo thế gian, cho nên không được gọi là Đại.

Hỏi: Cái gì là trí tuệ?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật bao gồm tất cả trí tuệ. Vì sao? Vì Bồ-tát cầu Phật đạo nên phải học tất cả pháp, được tất cả trí tuệ; đó là tất cả trí tuệ của Thanh-văn, Bích-chi Phật, Phật. Trí tuệ ấy có ba thứ: Học, vô học, phi học phi vô học. Trí phi học phi vô học là như Càn Tuệ địa, Bát tịnh quán, An-na-bát-na, Tứ niệm xứ thuộc Dục giới, Noãn pháp, Đảnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp v.v... Trí học là khổ pháp trí, nhẫn, tuệ cho đến hưởng A-la-hán, Tuệ tam-muội Kim-cang trong vô ngại đạo (vô gián đoạn) thứ chín. Trí Vô học là A-la-hán với trí giải thoát thứ chín (giải thoát đạo). Từ đó về sau, hết thấy trí Vô học như Tận trí, Vô sanh trí v.v... Trí tuệ cầu đạo Bích-chi Phật cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Bích-chi Phật đạo cũng như vậy, thì làm sao phân biệt giữa Thanh-văn và Bích-chi Phật?

Đáp: Đạo tuy một thứ mà dụng trí có khác. Nếu lúc chư Phật không xuất hiện, hoặc lúc Phật pháp đã diệt, người ấy do nhân duyên đời trước, tự xuất phát trí tuệ, không theo người khác nghe, do tự trí tuệ đắc đạo. Như một Quốc vương đi dạo chơi ở trong vườn, ban mai trong sáng trông thấy rừng cây hoa quả tốt tươi, rất đáng ưa vui. Vua ăn xong nằm nghỉ, các đại phu thế nữ của vua, chung nhau hái hoa, bẻ phá cây rừng, vua thức dậy, thấy cây bị hủy hoại, mà tự giác ngộ: “Tất cả thế gian vô thường, biến hoại, đều cũng như vậy!” Suy nghĩ như vậy, tâm vô lậu phát sanh, dứt hết kiết sử, chứng đắc đạo Bích-chi Phật, đủ sáu thần thông, liền bay đến giữa rừng yên vắng. Nhân duyên như vậy, do phước đức, nguyện hạnh, quả báo đời trước, đời nay thấy được một ít nhân duyên mà chứng thành đạo Bích-chi Phật. Như vậy là sai khác.

Lại nữa, Bích-chi Phật có hai hạng: Một gọi là Độc giác, hai gọi là Duyên giác như trên đã nói. Độc giác là người này trong đời này thành

đạo, tự mình giác ngộ không theo người khác nghe, ấy gọi là Độc giác Bích-chi-ca Phật.

Độc giác Bích-chi-ca Phật có hai hạng:

1- Vốn là Học nhân, sanh trong loài người, lúc bấy giờ không có Phật, Phật pháp đã diệt, vị Tu-đà-hoàn này đã mãn bảy phen sanh, không còn phải sanh phen thứ tám, tự được thành đạo. Người này không gọi là Phật, không gọi là A-la-hán, chỉ gọi là Tiểu Bích-chi-ca Phật, cùng với A-la-hán không khác. Hoặc có vị không bằng Đại A-la-hán Xá-lợi-phất v.v...

2- Là Đại Bích-chi-ca Phật, trong một trăm kiếp tạo công đức, tăng trưởng trí tuệ, được phần ba mươi hai tướng, hoặc được ba mươi một tướng, ba mươi tướng, hai mươi chín tướng, cho đến một tướng trong chín hạng A-la-hán, trí tuệ thông lợi hơn, vào được trong tổng tướng, biệt tướng của các pháp thậm thâm, lâu ngày tu tập định, thường ưa ở một mình. Tướng trạng như vậy, gọi là Đại Bích-chi-ca Phật, vì thế mà có sai khác.

Người cầu Phật địa, từ khi mới phát tâm khởi nguyện: “Nguyện tôi làm Phật độ thoát chúng sanh, được hết thấy Phật pháp, thực hành sáu Ba-la-mật; phá chúng Ma quân và các phiền não, được Nhất thiết trí, thành tựu Phật đạo, cho đến vào Vô-dư Niết-bàn. Tùy theo bản nguyện bản hạnh, từ trung gian ấy có được trí tuệ, hết thấy tổng tướng, biệt tướng đều biết hết; ấy gọi là trí tuệ của Phật đạo. Ba thứ trí tuệ ấy đều biết cả, đến tận cùng bờ mé nó; do vậy nên nói là đến bờ trí tuệ.

Hỏi: Nếu như đã nói hết thấy trí tuệ đều nên vào, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian; sao chỉ nói trí tuệ của ba thừa đến tận cùng bờ nó, mà không nói các trí khác?

Đáp: Trí tuệ của ba thừa là thật trí tuệ, các trí khác đều là hư vọng. Bồ-tát tuy biết mà không chuyên làm. Như trừ núi Ma-lê, các núi khác không sản xuất cây hương Chiên-đàn. Hoặc ở chỗ khác có lời nói hay, đều từ trong Phật pháp mà có được. Từ nơi phi Phật pháp, mới nghe tuy hay ho, mà lâu thì không đẹp; thí như sữa bò sữa lừa, sắc nó tuy giống nhau, mà sữa bò thì thành váng sữa, sữa lừa thì thành phân. Lời Phật pháp và lời của ngoại đạo đều nói: “Không giết, không trộm, từ miễn chúng sanh, giữ tâm lìa dục; và quán “không” tuy đồng, nhưng lời ngoại đạo nói lúc đầu tuy in tuồng đẹp, mà cùng tốt chỗ về thì là hư dối. Tất cả ngoại đạo đều mắc vào ngã kiến. Nếu thật có ngã thì nó phải rơi vào hai chỗ là tướng hủy hoại; hoặc là tướng không hủy hoại; nếu là tướng hủy hoại thì phải như da bò, nếu là tướng không hủy hoại thì phải như hư không. Ở hai chỗ ấy không có tội sát, không có phước bất sát. Nếu như hư không, mưa móc không thể thấm, gió nóng không thể làm khô, thế thì rơi vào tướng thường; nếu thường thì khổ không thể nào hại, lạc không

thể làm vui. Nếu không chịu khổ lạc, thì không nên tránh khổ tìm phước. Nếu như da bò, bị gió mưa làm hư hoại, thì rơi vào vô thường; nếu vô thường thì không tội phước. Lời ngoại đạo nói nếu đúng thật như vậy, thì đâu có việc không sát là phước, sát sanh là tội?

Hỏi: Phước đức trì giới của ngoại đạo có lỗi như vậy, còn thiên định và trí tuệ thì thế nào?

Đáp: Ngoại đạo lấy tâm chấp ngã chạy theo thiên cho nên phần nhiều còn ái, kiến, mạn, không xả hết thấy pháp nên không có trí tuệ thật.

Hỏi: Ông nói ngoại đạo quán “không”, quán “không” thì xả hết thấy pháp, tại sao nói ngoại đạo không xả hết thấy pháp, nên không có trí tuệ thật?

Đáp: Ngoại đạo tuy quán “không”, mà lại chấp thủ tướng không, tuy biết các pháp không mà không tự biết ta không; vì ái trước theo trí tuệ quán không vậy.

Hỏi: Ngoại đạo có định vô tướng, ở đó tâm tâm sở pháp đều diệt; vì đều diệt nên không có lỗi thủ tướng ái trước trí tuệ?

Đáp: Do định lực vô tướng cưỡng làm cho tâm diệt, chẳng phải do sức của thật trí tuệ; lại ở trong đó sanh tướng cho đó là Niết-bàn, không biết đó có được là chỉ do hòa hợp làm ra, do vậy rơi vào trong điên đảo; trong đó tâm tuy tạm diệt, sau khi gặp nhân duyên thì sanh trở lại; ví như người ngủ say không mộng, tâm tưởng không hoạt động, nhưng đến khi thức thì có trở lại.

Hỏi: Định vô tướng có lỗi như vậy, còn có Định phi hữu tướng phi vô tướng, ở đó không hết thấy vọng tướng, cũng chẳng giống như cưỡng làm cho tướng diệt như ở định vô tướng; mà ở trong đây do sức trí tuệ, nên không còn tướng?

Đáp: Trong ấy có tướng, vì tế vi nên không biết; nếu là vô tướng thì Phật đệ tử còn vì lẽ gì lại cầu được trí tuệ thật? Trong Phật pháp, thức của Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng ấy, nương nơi ba uẩn (thọ, tưởng, hành) mà trụ. Bốn uẩn này thuộc nhân duyên cho nên vô thường, vô thường nên khổ, vô thường khổ nên không, không nên vô ngã, không vô ngã nên có thể xả bỏ. Các ông ưa đắm trí tuệ nên không được Niết-bàn; ví như con sâu đo, co để chân sau an ổn mới cất chân trước, nếu chỗ tựa hết, thì không còn tiến tới được nữa mà trở lui. Ngoại đạo nương Sơ thiền để xả tham dục hạ địa, cho đến nương phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ, để xả vô sở hữu xứ, trên đó không còn chỗ nương nữa, thì không thể xả phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ. Vì không còn chỗ nương, nên lo sợ mất ngã, sợ rơi vào trong chỗ vô sở đắc.

Lại nữa, trong kinh ngoại đạo có cho phép sát, đạo, dâm, vọng ngữ, uống rượu, nói rằng vì tế trời nên chú nguyện mà giết không tội. Vì hành

đạo, nếu gặp cấp nạn, muốn toàn thân mà giết người nhỏ, không tội. Lại gặp cấp nạn mà vì hành đạo, trừ vàng, ngoài ra được phép trộm lấy để tự cứu khấp, sau sẽ trừ ương tội ấy. Trừ vợ của Thầy, phu nhân của Quốc vương, vợ của bạn tốt, đồng nữ, ngoài ra những nữ nhân khác vì bức bách

cấp nạn, được phép tà dâm. Vì thầy, vì cha mẹ, vì bò, vì thân, vì làm môi giới, được phép nói dối. Ở xứ lạnh cho phép uống rượu thạch mật, trong khi tế trời cho phép nếm một hai giọt rượu. Trong Phật pháp thì không như vậy. Đối với hết thảy chúng sanh, tâm từ xem bình đẳng, cho đến một con kiến cũng không cướp mạng nó, huống gì giết người? Một cây kim, một sợi chỉ không lấy huống gì nhiều vật? Đối với kẻ dâm nữ vô chủ không lấy tay đụng, huống gì là vợ con người? Đùa giỡn còn không được nói dối, huống chi cố ý nói dối. Tất cả rượu hết thảy thời không được uống, huống chi ở xứ lạnh, khi tế trời? Ngoài đạo các ông so với Phật pháp khác xa nhau như trời với đất. Pháp ngoại đạo các ông là chỗ sanh ra các phiền não, còn Phật pháp thời là chỗ diệt các phiền não. Đó là chỗ khác nhau lớn.

Pháp của Phật vô lượng, giống như biển lớn, tùy ý muốn của chúng sanh mà thuyết ra mỗi mỗi pháp; hoặc nói có, hoặc nói không; hoặc nói thường, hoặc nói vô thường; hoặc nói khổ, hoặc nói vui; hoặc nói ngã, hoặc nói vô ngã; hoặc nói siêng làm ba nghiệp, thu nhiếp các thiện pháp; hoặc nói hết thảy các pháp không có tác tướng. Như vậy mỗi mỗi nói sai khác. Người vô trí nghe đến là cho trái nghịch sai lầm, còn người trí nhập vào ba pháp môn, quán hết thảy lời Phật nói đều là thật pháp, không trái nghịch nhau.

Những gì là ba pháp môn?

1- Môn Côn-lặc

2- Môn A-tỳ-đàm

3- Môn Không ?

Hỏi: Sao gọi là môn Côn-lặc? Sao gọi là Môn A-tỳ-đàm ? Sao gọi là môn Không ?

Đáp: Côn-lặc có ba triệu hai trăm ngàn lời. Lúc Phật còn tại thế, Đại Ca-chiên-diên viết ra. Sau khi Phật diệt độ, tuổi thọ con người giảm dần, sức nhớ biết ít, không thể đọc tụng rộng, các vị đắc đạo soạn làm ba trăm tám mươi bốn ngàn lời. Nếu người nào vào môn Côn-lặc, thì luận nghị sẽ vô cùng, trong đó có các môn Tùy tướng, môn đối trị v.v...

Môn Tùy tướng như Phật nói kệ:

*Các việc ác chớ làm,
Các việc lành vâng làm,
Tự thanh tịnh ý mình,
Ấy là chư Phật dạy.*

Trong đó nói đủ các tâm sở pháp, nay chỉ nói tự thanh tịnh ý mình,

thì nên biết đã nói đủ các tâm sở pháp. Sao vậy? Vì hành tướng và sở

duyên đồng nhau vậy. Như Phật nói Bốn niệm xứ, trong ấy không rời Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực. Vì sao? Trong Bốn niệm xứ, Bốn tinh tấn là Bốn chánh cần, Bốn định tức là Bốn như ý túc, Năm thiện pháp tức là Năm căn lực. Phật tuy không nói các pháp môn khác mà chỉ nói Bốn niệm xứ, nên biết đã nói các pháp môn khác. Như Phật ở trong Bốn đế, hoặc nói một đế, hoặc nói hai, hoặc nói ba. Như Tỳ-kheo Mã-tinh (Assaji – A-thuyết-thị: Mã- thắng, Mã-sư) nói kệ cho Xá-lợi-phất:

*Các pháp từ duyên sanh,
Pháp ấy duyên đến, diệt,
Thầy tôi Đại Thánh chủ,
Nói nghĩa ấy như vậy.*

Bài kệ này chỉ nói đến ba đế, nên biết đạo đế đã có ở trong đó, vì không rời nhau. Ví như một người phạm lỗi, cả nhà chịu tội. Như vậy v.v... gọi là Tùy tướng môn.

Đối trị môn là, như Phật chỉ nói Bốn điên đảo, thường điên đảo, lạc điên đảo, ngã điên đảo, tịnh điên đảo. Trong ấy tuy không nói Bốn niệm xứ, song nên biết đã có nghĩa Bốn niệm xứ; ví như nói thuốc là đã biết bệnh, nói bệnh là biết thuốc. Nếu nói Bốn niệm xứ thì biết đã nói Bốn đảo. Bốn đảo là tướng tà; nếu nói Bốn đảo là đã nói các kiết sử. Vì sao? Vì nói cội gốc thì biết đủ cành lá. Như Phật nói hết thủy thế gian có ba độc; nói ba độc nên biết đã nói ba phần, Tám chánh đạo. Nếu nói ba độc, nên biết là đã nói hết thủy các phiền não độc. Mười lăm thứ ái là tham dục độc, năm thứ sân là sân nhuế độc, Mười lăm thứ vô minh là ngu si độc; các tà kiến, kiêu mạn, nghi thuộc về vô minh. Như vậy tất cả các kiết sử đều thu vào ba độc. Lấy gì để diệt nó? Lấy ba phần, Tám chánh đạo. Nếu nói ba phần, Tám chánh đạo, nên biết đã nói Ba mươi bảy trợ đạo phẩm. Các tướng như vậy, gọi là môn đối trị. Những pháp môn tùy tướng, môn đối trị như vậy, gọi là môn Côn-lặc.

Sao gọi là môn A-tỳ-đàm? Hoặc Phật tự nói nghĩa các pháp, hoặc Phật tự nói danh tự các pháp, các đệ tử tập hợp thuật giải nghĩa lý của nó. Như Phật nói: Có Tỳ-kheo đối với các pháp hữu vi, không chánh ức niệm, mà muốn được đệ nhất pháp của thế gian (thế đệ nhất), không có lẽ đó. Nếu không được đệ nhất pháp của thế gian mà muốn vào trong chánh vị thì không có lẽ đó. Nếu không vào trong chánh vị mà muốn được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán thì không có lẽ đó. Nếu có Tỳ-kheo đối với các pháp hữu vi, chánh ức niệm, muốn được pháp đệ nhất của thế gian thì việc ấy có được. Nếu được pháp đệ nhất

của thế gian, nên được vào chánh vị, vào chánh vị nên được quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, thì chắc chắn có lẽ ấy. Như Phật nói đi thẳng đến pháp đệ nhất của thế gian mà không nói các nghĩa tướng của nó như nó hệ thuộc giới nào, nhân duyên gì, quả báo gì? Từ pháp đệ nhất của thế gian, các pháp sở hành của hàng Thanh-văn, cho đến Vô-dư Niết-bàn, mỗi mỗi phân biệt nghĩa tướng của nó, ấy gọi là môn A-tỳ-đàm .

Môn Không là Sanh không, Pháp không; như trong kinh Tần-bà-ta-la Vương Nghinh Phật nói: “Phật bảo Đại vương: “Khi sắc sanh chỉ là “không” sanh, khi sắc diệt chỉ là “không” diệt, khi các hành sanh chỉ là “không” sanh. Khi diệt chỉ là “không” diệt, trong ấy không có tự ngã, không người, không thần ngã, không có người từ đời này đến đời sau, trừ nhân duyên hòa hợp gọi là chúng sanh; kẻ phàm phu ngu si chạy theo danh để cầu thật”. Trong các kinh như vậy, Phật nói về sanh không.

Pháp không là, như Phật nói ở trong kinh Đại Không: Mười hai nhân duyên từ vô minh cho đến già chết, nếu người nói đó là già chết, hoặc nói ai già chết, đều là tà kiến. Sanh, hữu, thủ, thọ, ái, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành, vô minh cũng như vậy. Hoặc có người nói thân tức là thần ngã, hoặc nói thân khác thần ngã; hai lời đó tuy khác nhau, song đồng là tà kiến. Phật nói: Thân tức là thần ngã, tà kiến như vậy, chẳng phải đệ tử Ta. Hoặc nói thân khác thần ngã, cũng là tà kiến, chẳng phải đệ tử Ta. Trong kinh ấy Phật nói về pháp không. Nếu nói: “ai già chết”, nên biết đó là lời hư vọng, ấy gọi là sanh không. Nếu nói: “ấy là già chết”, nên biết đó là lời hư vọng, ấy gọi là pháp không. Cho đến vô minh cũng như vậy.

Lại nữa, Phật nói về sáu mươi hai kiến trong kinh Phạm Võng: Nếu có người nói “thần ngã thường, thế gian cũng thường”, ấy là tà kiến. Nếu nói: “thần ngã vô thường, thế gian vô thường” ấy cũng là tà kiến. Nếu nói: “thần ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường, thần ngã và thế gian chẳng phải thường và chẳng phải vô thường” đều là tà kiến. Do vậy, biết các pháp đều là không, ấy mới là thật.

Hỏi: Nếu nói thần ngã thường, thì là tà kiến. Vì sao? Vì tánh thần ngã không có. Nếu nói thần ngã thường cũng phải là tà kiến. Vì sao? Vì thế gian thật vô thường, vì điên đảo cho nên nói thường. Nếu nói thần ngã vô thường, cũng là tà kiến. Vì sao? Vì tánh thần ngã không có, không nên nói là vô thường. Còn nếu nói thế gian là vô thường thì chẳng phải là tà kiến. Vì sao? Vì tánh hết thảy pháp hữu vi, thật đều vô thường?

Đáp: Nếu hết thảy pháp thật đều vô thường, sao Phật nói: “Nói thế

gian vô thường, ấy gọi là tà kiến. Thế cho nên biết thế gian chẳng phải thật là vô thường.

Hỏi: Nơi nơi Phật đều nói: Quán pháp hữu vi vô thường, khổ, không, vô ngã, khiến người ta đắc đạo; sao đây nói vô thường bị rơi vào tà kiến?

Đáp: Phật nơi nơi thuyết vô thường, nơi nơi thuyết bất diệt. Như Ma-ha-nam Thích vương đi đến Phật, bạch Phật rằng: “Ở thành Ca-tỳ-la này dân chúng đông nhiều, có khi tôi gặp họ rong xe, ruổi ngựa, voi cuồng, đấu sức, bèn mất tâm niệm Phật. Khi ấy tôi tự nghĩ: Nếu khi ấy tôi chết, sẽ sanh về đâu?” Phật bảo Ma-ha-nam: “Người chớ sợ hãi. Bấy giờ người không sanh vào ác thú mà sanh đến thiện thú; ví như cây thường nghiêng về hướng Đông, nếu có bị đốn, chắc ngã về hướng đông; người lành cũng như vậy. Nếu khi thân tử hoại, thiện tâm ý thức thường lấy tín, giới, vãng, thí, tuệ huân tâm, nên chắc chắn được lợi ích, được sanh lên cõi Trời. Nếu hết thủy pháp niệm niệm sanh diệt vô thường, sao Phật nói có các công đức huân tập, cho nên mới chắc chắn được sanh lên cõi Trời. Do vậy nên biết chẳng phải tánh vô thường.

Hỏi: Nếu vô thường là không thật, sao Phật nói vô thường?

Đáp: Phật tùy chỗ thích ứng của chúng sanh mà thuyết pháp. Vì phá điên đảo chấp thường cho nên Phật nói vô thường. Vì người không biết không tin có đời sau nên Phật nói tâm đi đến đời sau, sanh lên cõi Trời do nghiệp tội phước, trăm ngàn vạn kiếp không mất. Đây là Đối trị Tất-đàn, chẳng phải Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Thật tướng các pháp, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Nhiều nơi Phật cũng nói các pháp không, trong các pháp không, cũng không vô thường. Do vậy nên nói thế gian vô thường là tà kiến. Thế nên gọi là pháp không.

Lại nữa, Phạm-chí ở thành Tỳ-da-ly tên Luận Lực. Những người có tài lợi hưng thịnh đem nhiều vật báu thuê Luận Lực đến tranh luận với Phật. Nhận vật thuê xong, ngay đêm ấy soạn năm trăm nạn vấn, sáng sớm cùng các người tài lực đi đến chỗ Phật, hỏi Phật: “Có đạo cứu kính hay nhiều đạo cứu kính?” Phật nói: “Một đạo cứu cánh chứ không nhiều”. Phạm-chí nói: “Phật nói một đạo, các thầy ngoại đạo đều có đạo cứu cánh. Thế là nhiều chứ không phải một?”. Phật nói: “Tuy tên có nhiều mà đều chẳng phải thật đạo. Vì sao? Vì hết thủy đều mắc vào tà kiến, nên không gọi là đạo cứu kính”. Phật hỏi Phạm-chí: “Lộc Đầu Phạm-chí đắc đạo chăng?” Đáp: “Trong hết thủy người đắc đạo, đây là đệ nhất”. Khi ấy Tỳ-kheo Trưởng lão Lộc Đầu Phạm-chí, đang ở sau lưng Phật hầu quạt cho Phật, Phật hỏi Phạm-chí: “Ông biết Tỳ-kheo

này chẳng?” Phạm-chí thưa biết, rồi hổ thẹn cúi đầu. Bấy giờ Phật nói nghĩa phẩm kệ:

*Mỗi mỗi cho cứu cánh,
Mà mỗi tự ưa đắm,
Cho mình phải người trái,
Ấy đều chẳng cứu cánh.
Người ấy vào luận chúng,
Khi biện minh nghĩa lý,
Mỗi mỗi thị phi nhau,
Hơn thua ôm lo mừng.
Người hơn rơi hăm kiêu,
Kẻ thua sa ngục lo.
Cho nên người có trí,
Không theo hai pháp ấy.
Luận Lực ông nên biết,
Pháp của đệ tử Ta,
Không hư cũng không thật.
Ông muốn cầu việc gì?
Ông muốn hoại luận tôi,
Trọn đã không hoại được,
Khó thắng bậc đại trí,
Chỉ đủ tự hủy hoại.*

Như vậy, nhiều nơi trong các kinh Thanh-văn, Phật thuyết các pháp không.

Đại thừa Không môn là, hết thấy các pháp, tánh thường tự không, không do trí tuệ phương tiện quán cho nên không. Như Phật nói với Tu-bồ-đề: ”Sắc, sắc tự không; thọ, tưởng, hành, thức, thức tự không. Mười hai nhập, Mười tám giới, Mười hai nhân duyên, Ba mươi bảy đạo phẩm, Mười lực, Bốn vô sở úy, Mười tám pháp bất cộng, Đại từ Đại bi, Tát-bà-nhã, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều tự không.

Hỏi: Tất cả các pháp tánh thường tự không, không có gì, sao không đọa vào tà kiến? Tà kiến gọi là không tội, không phước, không đời này đời sau, cùng với đây nói “không” không khác nhau?

Đáp: Người nói không tội, không phước, họ không nói không có đời này, chỉ nói không có đời sau; như loài cây cỏ tự sanh tự diệt. Hoặc người sanh, hoặc người giết, chỉ ở trong đời hiện tại, không còn có sanh ở đời sau, mà họ không biết quán trong thân ngoài thân tự tướng đều không. Do đó mà có khác.

Lại nữa, người tà kiến, làm nhiều việc ác, dứt các việc lành, còn người quán không, đối với thiện pháp còn không muốn làm, huống chi làm ác?

Hỏi: Tà kiến có hai thứ: thứ phá nhân phá quả, có thứ phá quả không phá nhân. Như lời ông nói là phá quả không phá nhân. Phá quả phá nhân là nói không nhân không duyên, không tội không phước; ấy là phá nhân. Nói không đời này, đời sau, tội phước quả báo, ấy là phá quả. Người quán không nói “đều không” thì tội phước nhân quả đều không, như vậy cùng với tà kiến đây có gì khác?

Đáp: Người tà kiến, đối với các pháp đoạn diệt làm cho không; còn người Đại thừa biết các pháp thật không, không phá không hoại.

Hỏi: Ba thứ tà kiến: 1- Phá quả báo tội phước, không phá tội phước; phá quả báo nhân duyên, không phá nhân duyên; phá đời sau, không phá đời này. 2- Phá quả báo tội phước; cũng phá tội phước; phá quả báo nhân duyên, cũng phá nhân duyên; phá đời sau, cũng phá đời này, không phá hết thủy pháp. Phá hết thủy pháp, đều làm cho không có gì. Người quán không, cũng nói chơn không không có gì, cùng với người tà kiến thứ ba này có gì khác?

Đáp: Người tà kiến phá các pháp làm cho không; còn người quán không biết các pháp thật không, không phá không hoại.

Lại nữa, người tà kiến nói các pháp đều không, không có gì, chấp thủ hý luận về tướng không của các pháp; còn người quán không, biết các pháp không, không thủ tướng, không hý luận.

Lại nữa, người tà kiến tuy miệng nói hết thủy không, nhưng ở chỗ ưa thì sanh ưa, ở chỗ giận thì sanh giận, ở chỗ kiêu mạn thì sanh kiêu mạn, ở chỗ ngu si thì sanh ngu si, tự đối gạt mình. Còn như đệ tử Phật thật biết không, tâm không lay động; hết thủy chỗ kiết sử sanh không còn sanh; ví như hư không, khói lửa không thể làm ướt, mưa lớn không thể ướt. Quán không như vậy, các thứ phiền não không còn dính vào tâm.

Lại nữa, người tà kiến nói không có gì, không từ ái (thạch bản ghi là chữ thọ?) làm nhân duyên xuất sanh; còn chơn không là từ ái làm nhân duyên xuất sanh, thế là khác. Bốn vô lượng tâm, các pháp thanh tịnh, vì sở duyên của nó không thật nên còn không bằng với trí tuệ chơn không, huống là tà kiến này?

Lại nữa, kiến ấy gọi là tà kiến, còn chơn không kiến gọi là chánh kiến. Người hành tà kiến, đời này gọi là người tệ ác, đời sau sẽ rơi vào địa ngục. Người hành trí tuệ chơn không, đời này được khen ngợi, đời sau được làm Phật; ví như nước khác với lửa; cũng như cam lồ với độc

được; phân hôi so với vị tô-đà, thức ăn của trời.

Lại nữa, trong chơn không có Không không tam muội, tà kiến thấy không, tuy có không mà không có Không không tam muội.

Lại nữa, người quán chơn không, trước hết bố thí, trì giới, thiện định vô lượng, tâm kia dịu mềm, các kiết sử mỏng, sau mới đắc chơn không. Người tà kiến không có các việc ấy, chỉ muốn lấy ức tướng phân biệt, tà tâm thủ không; ví như người ở nông điền, lúc đầu không biết muối, thấy người ta lấy muối bỏ vào rau thịt mà ăn. Hỏi rằng: “Vì sao làm như vậy?” Trả lời rằng: “Vì muối ấy có thể làm cho đồ ăn ngon lành”. Người kia bèn nghĩ rằng, muối ấy có thể làm cho đồ ăn ngon thì chất vị nó phải nhiều, liền bốc toàn muối bỏ vào miệng mà ăn, muối mặn rách miệng, mới hỏi lại rằng: “Sao ông nói muối có thể làm cho ngon? Người kia nói: “Đồ ngu! Phải trừ lượng nhiều ít hòa vào mới ngon được, cứ sao ăn toàn cả muối”, Không thực hành các công đức, mà chỉ muốn được không, ấy là tà kiến, dứt các thiện căn.

Các nghĩa như vậy gọi là Không môn. Nếu người nào vào ba môn (Côn-lặc, A-tỳ-đàm, Không môn) này thì hiểu nghĩa Phật pháp không hề trái nghịch nhau. Biết được việc ấy tức là năng lực của Bát-nhã Ba-la-mật, đối với hết thảy pháp không gì quái ngại. Nếu không được Bát-nhã Ba-la-mật, mà vào A-tỳ-đàm môn thì rơi trong chấp hữu, vào Không môn thì rơi trong chấp vô; nếu vào Côn-lặc môn thì rơi trong chấp cả hữu cả vô.

Lại nữa, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, tuy biết các pháp nhất tướng, cũng biết được hết thảy pháp chủng chủng tướng. Tuy biết các pháp chủng chủng tướng, cũng biết được hết thảy pháp nhất tướng. Trí tuệ như vậy của Bồ-tát, gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Đại Bồ-tát làm sao biết hết thảy pháp chủng chủng tướng? Làm sao biết hết thảy pháp nhất tướng?

Đáp: Bồ-tát quán các pháp nhất tướng, đó là tướng có; nhân tướng có ấy, trong các pháp có tâm sanh, như vậy hết thảy có.

Hỏi: Trong pháp không sao cũng có tâm sanh?

Đáp: Nếu nói “không”, sự ấy tức là có.

Lại nữa, Bồ-tát quán hết thảy pháp nhất tướng, đó là vô tướng; như tướng trâu không có tướng dê, nơi dê không có tướng trâu. Như vậy trong các pháp, mỗi mỗi không có tướng của pháp khác; như trước đã nói, nhân có nên có tâm sanh, pháp ấy khác với có, vì khác cho nên không. Nếu pháp “có” là trâu thì dê cũng nên là trâu. Vì sao? Vì pháp “có” không khác nhau vậy. Nếu khác với có thì là không, như vậy hết

thấy là không.

Lại nữa, Bồ-tát quán hết thủy pháp là một, nhân pháp một ấy mà trong các pháp chỉ một tâm sanh. Các pháp mỗi mỗi có tướng một, hợp các một nên gọi là hai, gọi là ba Một là thật; hai, ba ... là hư.

Lại nữa, Bồ-tát quán các pháp có sở nhân nên có, như thân người vô thường. Vì sao? Vì là tướng sanh diệt. Hết thủy pháp đều như vậy, có sở nhân nên có.

Lại nữa, hết thủy pháp không sở nhân nên có, như thân người vô thường sanh diệt; nhân sanh diệt nên biết vô thường. Nhân ấy lại nên có nhân. Như vậy thì vô cùng, nếu vô cùng thì vô nhân. Nếu nhân ấy lại không có nhân, thì nhân vô thường ấy cũng không phải nhân. Như vậy, hết thủy không có nhân.

Lại nữa, Bồ-tát quán hết thủy pháp có tướng, không có pháp gì không tướng; như đất có tướng cứng nặng, nước có tướng lạnh ướt; lửa có tướng nóng, chiếu sáng; gió có tướng nhẹ, động; hư không có tướng dung chứa; phân biệt giác tri là tướng của thức; có đây có kia là tướng của phương; có lâu có mau là tướng của thời; tâm trước ác não loạn chúng sanh là tướng của tội; tâm tịnh thiện thương xót chúng sanh là tướng của phước; đấm trước các pháp là tướng của trói buộc; không đấm trước các pháp là tướng của giải thoát. Hiện tiền hết thủy pháp, không bị chướng ngại là tướng của Phật. Như vậy, hết thủy đều có tướng.

Lại nữa, Bồ-tát quán hết thủy pháp đều không tướng, các tướng ấy do nhân duyên hòa hợp sanh, không có tự tánh cho nên không. Như đất; do hương, vị, xúc bốn pháp hòa hợp lại gọi là đất. Không phải chỉ có sắc mà gọi là đất; cũng không phải chỉ vị, xúc mà gọi là đất. Vì sao? Nếu chỉ có sắc là đất, còn ba thứ kia không phải là đất, vậy là đất không có hương, vị, xúc? Hương, vị, xúc cũng như vậy.

Lại nữa, bốn pháp ấy sao làm một pháp? Sao một pháp làm bốn pháp? Vì thế không được lấy bốn thứ làm đất, cũng thế không được lia bốn thứ làm đất.

Hỏi: Tôi không cho bốn pháp là đất, chỉ nhân bốn pháp cho nên có pháp đất sanh; đất ấy trụ ở giữa bốn pháp?

Đáp: Nếu từ bốn pháp sanh ra đất, thì đất với bốn pháp khác nhau; như cha mẹ sanh ra con, thì con khác với cha mẹ. Nếu như vậy, nay con mắt thấy sắc, mũi biết hương, lưỡi biết vị, thân biết xúc; đất nếu khác với bốn pháp đó, thì phải nên có căn khác, thức khác để biết đất. Nếu không có căn khác, thức khác để biết đất, thì không có đất.

Hỏi: Nếu trên kia nói về tướng đất có lỗi, phải nên như A-tỳ-đàm

nói về tướng đất: Đất gọi là sắc do bốn đại tạo ra, trong đó chỉ địa chủng là tướng cứng. Đất là sắc có thể thấy?

Đáp: Nếu đất chỉ là sắc, trước kia đã nói lỗi. Lại đất là tướng cứng, nhưng con mắt chỉ thấy sắc, như thấy trăng dưới nước, tượng trong gương, bóng của cây cỏ thì không có tướng cứng, tướng cứng là do thân căn xúc chạm mà biết.

Lại nữa, nếu con mắt thấy sắc ấy là đất, còn tướng cứng là địa chủng; con mắt thấy sắc ấy là nước, lửa, còn tướng ướt là thủy chủng, tướng nóng là hỏa chủng, thì gió và phong chủng, cũng nên phân biệt, nhưng mà không phân biệt được. Như nói: “Thế nào là gió, thế nào là phong chủng? Thế nào là phong chủng thế nào là gió? Nếu gió và phong chủng là một vật, thì không nên đáp hai cách. Nếu gió và phong chủng không khác thì đất và địa chủng cũng không thể khác.

Hỏi: Bốn đại, mỗi mỗi không lìa nhau; như trong đất có nước, lửa, gió bốn thứ. Nhưng trong đất thì đất nhiều hơn hết, nên gọi là đất; trong nước, lửa, gió cũng như vậy?

Đáp: Không phải. Vì sao? Vì nếu trong lửa có bốn đại, thì phải nên đều nóng cả, vì không có lửa gì không nóng; nếu ba đại kia ở trong lửa mà không nóng, thì không gọi là lửa. Nếu nóng thì đất, nước, gió bỏ mất tự tánh, đều gọi là lửa. Nếu cho là nó vi tế nên không thể biết, thì không khác gì với không có. Nếu có thô có thể biết được, thì biết có vi tế; nếu không thô thì cũng không tế. Vì các nhân duyên như vậy, biết tướng đất không thể có được. Nếu tướng đất không thể có được thì tướng của hết thủy pháp cũng không thể có được. Thế nên hết thủy pháp đều một tướng.

Hỏi: Chẳng nên nói vô tướng. Vì sao? Vì đối với các pháp vô tướng tức là tướng, Nếu không có vô tướng thì không thể phá tướng hết thủy pháp. Vì sao? Vì không có vô tướng. Nếu có vô tướng ấy, thì không thể nói hết thủy pháp vô tướng.

Đáp: Lấy vô tướng để phá tướng các pháp; nếu có tướng vô tướng, thì rơi vào trong tướng các pháp. Nếu không rơi vào trong tướng các pháp, thì không nên nạn hỏi. Vô tướng phá hết tướng các pháp, cũng là tướng tự diệt; ví như que củi mỗi lửa, sau khi đốt hết củi, cũng lại tự đốt. Thế nên Thánh nhân thực hành Vô tướng vô tướng tam muội, để phá vô tướng.

Lại nữa, Bồ-tát quán hết thủy pháp không hợp, không tan, không sắc, không hình, không đối, không bày, không nói, chỉ có một tướng, đó là vô tướng. Như vậy các pháp một tướng,

Làm sao quán các loại tướng? Hết thấy các pháp đều thu vào hai pháp là danh, sắc; sắc, vô sắc; có thể thấy, không thể thấy; có đối, không đối; hữu lậu, vô lậu; hữu vi, vô vi v...v... Hai trăm pháp môn hai phần, như trong phẩm Thiên Nạn nói.

Lại nữa, có hai pháp, là nhẫn nhục và nhu hòa. Lại có hai pháp là thân kính và cúng dường. Hai thí là tài thí và pháp thí. Hai lực là lực tuệ phân biệt và lực tu đạo. Hai cụ túc là giới cụ túc và chánh kiến cụ túc. Hai tướng là tướng chất trực và tướng nhu nhuyễn. Hai pháp là định và trí. Hai pháp là minh và giải thoát. Hai pháp là thế gian pháp và đệ nhất nghĩa pháp. Hai pháp là niệm và xảo tuệ. Hai đế là thế đế và đệ nhất nghĩa đế. Hai giải thoát là đăi thời giải thoát và bất hoại tâm giải thoát. Hai Niết-bàn là Hữu-dư Niết-bàn và Vô-dư Niết-bàn. Hai cứu cánh là sự cứu cánh và nguyện cứu cánh. Hai kiến là tri kiến và đoạn kiến. Hai cụ túc là nghĩa cụ túc và ngữ cụ túc. Hai pháp là thiếu dục và tri túc. Hai pháp là dễ nuôi và dễ đủ. Hai pháp là pháp tùy và pháp hành. Hai trí là tận trí và vô sanh trí. Như vậy ... vô lượng pháp môn hai phần.

Lại nữa, biết ba đạo là kiến đạo, tu đạo, vô học đạo. Ba tánh là đoạn tánh, ly tánh, diệt tánh. Ba tu là giới tu, định tu, tuệ tu. Ba Bồ-đề là Phật Bồ-đề, Bích-chi-ca Phật Bồ-đề, Thanh-văn Bồ-đề. Ba thừa là Phật thừa, Bích-chi-ca Phật thừa, Thanh-văn thừa. Ba quy y là Phật, Pháp, Tăng. Ba trú là Phạm trú, Thiên trú, Thánh trú. Ba tăng thượng là tự tăng thượng, tha tăng thượng, pháp tăng thượng. Ba thứ bất hộ của chư Phật là thân nghiệp bất hộ, khẩu nghiệp bất hộ, ý nghiệp bất hộ. Ba phước xứ là thí, giới, thiện tâm. Ba cây gậy là gậy nghe, gậy ly dục, gậy tuệ. Ba luân là biến hóa luân, thị tha tâm luân, giáo hoá luân. Ba giải thoát môn là Không giải thoát môn, Vô tướng giải thoát môn, Vô tác giải thoát môn. Như vậy ... vô lượng pháp môn ba phần.

Lại biết bốn pháp là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Bốn Thánh đế, Bốn Thánh chủng, Bốn Sa môn quả, Bốn tri, Bốn tín, Bốn đạo, Bốn nhiếp pháp, Bốn y, Bốn thông đạt thiện căn, Bốn đạo, Bốn thiên nhân luân, Bốn kiên pháp, Bốn vô sở úy, Bốn vô lượng tâm. Như vậy ... vô lượng pháp môn bốn phần.

Lại biết Năm vô học chúng, Năm xuất tánh, Năm giải thoát xứ, Năm căn, Năm lực, Năm đại thí, Năm trí, Năm A-na-hàm, Năm chỗ Tịnh-cư thiên, Năm trị đạo, Năm trí tam muội, Năm Thánh phần chi tam muội, Năm ngữ đạo như pháp. Như vậy ... vô lượng pháp môn năm phần.

Lại biết Sáu xả pháp, Sáu ái kính pháp, Sáu thần thông, Sáu hạng A-la-hán, Sáu địa kiến đế đạo, Sáu tùy thuận niệm, Sáu tam muội, Sáu

Ba-la-mật. Như vậy ... vô lượng pháp môn sáu phần.

Lại biết Bảy giác ý, Bảy tài, Bảy y chỉ, Bảy tướng định, Bảy diệu pháp, Bảy tri, Bảy chỗ thiện nhân đi, Bảy tịnh, Bảy tài phước, Bảy phi tài phước, Bảy trợ định pháp. Như vậy ... vô lượng pháp môn bảy phần.

Lại biết Tám Thánh đạo phần, Tám bội xả, Tám thắng xứ, Tám đại nhân niệm, Tám thứ tinh tấn, Tám tượng phu, Tám A-la-hán lực. Như vậy ... vô lượng pháp môn tám phần.

Lại biết Chín thứ đệ định, Chín danh sắc (từ danh đến sanh tử là chín) v.v... diệt, Chín vô lậu trí, Chín vô lậu địa, Chín địa tư duy đạo. Như vậy ... vô lượng pháp môn chín phần.

Lại biết Mười vô học pháp, Mười tướng, Mười trí, Mười nhất thiết nhập, Mười đại địa thiện, Mười lực của Phật. Như vậy ... vô lượng pháp môn mười phần.

Lại biết Mười một trợ Thánh đạo pháp. Lại biết Mười hai nhân duyên pháp. Lại biết Mười ba xuất pháp, Mười bốn biến hóa tâm, Mười lăm tâm kiến đế đạo, Mười sáu An-na-ban-na hạnh, Mười bảy Thánh hạnh (nên nói mười sáu), Mười tám pháp bất cộng, Mười chín ly địa. Một trăm sáu mươi hai đạo trong tư duy đạo, tư duy đạo có khả năng phá giặc phiền não, Một trăm bảy mươi tám Sa-môn quả gồm tám mươi chín hữu vi quả, tám mươi chín vô vi quả. Như vậy các thứ vô lượng pháp tướng sai khác; sanh, diệt, tăng, giảm, đắc, thất, cấu, tịnh đều biết được cả. Đại Bồ-tát biết các pháp ấy xong, có thể khiến cho các pháp nhập vào tự tánh không, mà đối với các pháp không dính mắc; vượt quá địa vị Thanh-văn, Bích-chi Phật, mà vào địa vị Bồ-tát. Vào địa vị Bồ-tát xong, lấy đại bi tâm thương xót, lấy sức phương tiện phân biệt chủng chủng danh tự các pháp, độ chúng sanh khiến chứng được tam thừa. Ví như người thợ giỏi, dùng sức thuốc có thể biến bạc thành vàng, biến vàng thành bạc.

Hỏi: Nếu các pháp tánh chơn không, sao còn phân biệt các loại danh tự? Sao không chỉ nói là tánh chơn không?

Đáp: Đại Bồ-tát không nói “không” là có thể đắc, có thể trước. nếu có thể đắc, có thể trước thì không nên nói các pháp có các tướng sai khác. Không bất khả đắc là không có gì chướng ngại; nếu có chướng ngại thì ấy là khả đắc chứ chẳng phải là cái không bất khả đắc. Nếu Đại Bồ-tát biết cái không bất khả đắc, lại còn phân biệt được các pháp, thương xót độ thoát chúng sanh thì ấy là sức của Bát-nhã Ba-la-mật. Lấy chỗ cốt yếu mà nói: Thật tướng các pháp là Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Hết thấy kinh sách thế tục và chín mươi sáu thứ kinh của xuất gia ngoại đạo đều nói có thật tướng các pháp, lại trong tam Tạng pháp

của Thanh-văn, cũng có nói thật tướng các pháp, sao không gọi đó là Bát-nhã Ba-la-mật, mà chỉ riêng thật tướng các pháp nói ở trong kinh này, được gọi là Bát-nhã Ba-la-mật?

Đáp: Trong kinh sách thế tục, vì để làm an nước toàn gia, thân mạng thọ vui, cho nên chẳng phải thật. Ngoại đạo xuất gia đọa trong pháp tà kiến, tâm ưa đắm, cho nên cũng chẳng phải thật. Trong pháp Thanh-văn tuy có bốn đế, lấy vô thường, khổ, không, vô ngã quán thật tướng các pháp, nhưng vì trí tuệ không đầy đủ, không thông lợi, không thể vì độ hết thấy chúng sanh, không vì cầu được Phật pháp, nên tuy có thật trí tuệ mà không gọi Bát-nhã Ba-la-mật. Như nói: Phật vào và ra các tam muội, Xá-lợi-phất còn không nghe được tên nó huống là có thể biết được. Vì sao? Vì các A-la-hán, Bích-chi Phật khi mới phát tâm, không có nguyện lớn, không đại từ đại bi, không cầu hết thấy các công đức, không cúng dường hết thấy ba đời mười phương Phật, không cứu xét cầu biết thật tướng các pháp, mà chỉ cầu thoát khỏi khổ già bệnh chết. Còn các Bồ-tát từ khi mới phát tâm đã có thệ nguyện rộng lớn, có đại từ bi, cầu hết thấy các công đức, cúng dường hết thấy ba đời mười phương Phật, có lợi trí lớn, cầu thật tướng các pháp, trừ các thứ quán là tịnh quán, bất tịnh quán, thường quán, vô thường quán, lạc quán, khổ quán, không quán, thật quán, ngã quán, vô ngã quán. Xả bỏ các quán theo tâm lực vọng kiến như vậy, mà chỉ quán thật tướng của ngoại duyên là phi tịnh, phi bất tịnh, phi thường, phi vô thường, phi lạc, phi khổ, phi không, phi thật, phi ngã, phi vô ngã. Đối các quán như vậy, không chấp trước, không thủ đắc, vì là pháp thế tục, không phải đệ nhất nghĩa, thanh tịnh cùng khắp, không phá không hoại là chỗ các Thánh nhân hành, ấy gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Đã biết thể tướng Bát-nhã là pháp vô tướng, vô đắc; vậy hành giả làm sao có thể đắc pháp ấy?

Đáp: Phật dùng phương tiện thuyết pháp, hành giả hành đúng như Phật nói thì đắc; ví như đường hiểm bờ cao, nhờ thang mà lên được. Lại như nước sâu nhờ thuyền mà qua được. Bồ-tát mới phát tâm, nếu theo Phật nghe, hoặc theo đệ tử Phật nghe, hoặc nghe trong kinh nói: “Hết thấy pháp rốt ráo không, không có tánh nhất định khả thủ khả trước, là pháp đệ nhất thật, diệt trừ các hý luận, tướng Niết-bàn là rất an ổn”, nghĩ rằng ta muốn độ thoát hết thấy chúng sanh, làm sao riêng lấy Niết-bàn? Ta nay phước đức, trí tuệ, thần thông lực chưa đầy đủ, nên không thể dẫn dắt chúng sanh, phải đầy đủ các nhân duyên ấy, thực hành năm Ba-la-mật là bố thí, v.v... Do tài thí nên được giàu lớn, do pháp thí nên

được trí tuệ, có thể do hai thí ấy mà dẫn dắt chúng sanh nghèo cùng vào ba thừa đạo. Do trì giới nên được sanh vào cõi người cõi trời tôn quý, tự thoát khỏi ba đường ác; cũng khiến chúng sanh thoát khỏi ba đường ác. Do nhẫn nhục, nên ngăn được thứ độc nóng giận, mà được thân sắc đoan chánh, oai đức đệ nhất, ai thấy đều hoan hỷ, tâm phục kính tin, huống còn thuyết pháp nữa? Do tinh tấn nên có thể phá sự giải đãi đối với phước đức, đạo pháp, mà được thân kim cương, tâm bất động. Dùng thân tâm ấy phá tâm kiêu mạn của phàm phu khiến được Niết-bàn. Do thiên định, phá tâm tán loạn, lìa cái vui tội lỗi theo ngũ dục, hay vì chúng sanh nói về pháp ly dục. Thiên là chỗ y chỉ của Bát-nhã Ba-la-mật, y nơi thiên mà Bát-nhã Ba-la-mật tự nhiên phát sanh. Như trong kinh nói: “Tỳ-kheo nhất tâm chuyên định, có thể quán thật tướng các pháp”.

Lại nữa, biết ở trong Dục giới phần nhiều do tội nghiệp xan và tham, đóng cửa các thiện. Khi thực hành Bồ-thí Bát-nhã Ba-la-mật thì phá hai việc ấy, mở cửa các thiện. Vì muốn được thường mở, nên thực hành giới Ba-la-mật về mười thiện đạo. Vì chưa đầy đủ thiên định, trí tuệ, chưa ly dục nên phá giới Ba-la-mật. Do vậy nên thực hành nhẫn nhục, biết ba việc trên có khả năng mở cửa phước. Lại biết phước đức quả báo ấy là vô thường, thọ hết vui ở cõi trời người, trở lại đọa vào đường khổ. Vì nhằm đủ phước đức vô thường ấy, nên cầu thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật.

Việc ấy làm sao được? Chắc chắn phải do nhất tâm mới có thể được. Như châu ngọc báu của Long vương, nhất tâm quán sát mà không chạm đến rồng thì giá trị bằng Diêm-phù-đê. Nhất tâm thiên định thì trừ bỏ năm dục, năm cái; muốn được tâm vui phải dùng tinh tấn; cho nên tiếp sau nhẫn nhục là nói tinh tấn Ba-la-mật. Như trong kinh nói hành giả thân ngồi ngay thẳng, buộc niệm ở trước, chuyên tinh cầu định, dầu cho thịt xương khô mục, trọn không giải đãi thối lui, cho nên tinh tấn tu thiên. Nếu có tài vật mà bố thí không khó; vì sợ đọa đường ác, sợ mất tiếng tốt mà trì giới, nhẫn nhục cũng không là khó. Do vậy nên ở ba độ đầu không nói đến tinh tấn. Nay vì thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật, mà từ tâm cầu định, việc ấy mới khó, cho nên phải cần đến tinh tấn. Thực hành như vậy, có thể đắc Bát-nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Phải thực hành năm Ba-la-mật, sau mới đắc Bát-nhã Ba-la-mật, hay cũng có thể thực hành một, hai Ba-la-mật cũng có thể đắc Bát-nhã?

Đáp: Các Ba-la-mật có hai thứ:

1. Trong một Ba-la-mật có đủ các Ba-la-mật tương ứng tùy hành.
2. Tùy thời thực hành riêng từng Ba-la-mật. Hễ Ba-la-mật nào

nhiều thì theo đó gọi tên ấy. Ví như bốn đại chung hợp, tuy không lìa nhau, song theo đại nào nhiều mà được gọi tên.

Tương ứng tùy hành là, trong một Ba-la-mật có đủ năm Ba-la-mật. Ấy là không lìa năm Ba-la-mật mà đặc Bát-nhã Ba-la-mật.

Tùy thời được tên là, hoặc nhân một, nhân hai Ba-la-mật mà đặc Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà bố thí, bầy giờ tìm tướng bố thí thấy chẳng một chẳng khác, phi thường, phi vô thường, phi hữu, phi vô v.v... Như trong đoạn nói về bố thí ở trước. Nhân thật tướng bố thí mà hiểu hết thấy pháp cũng như vậy, ấy gọi là nhân bố thí mà đặc Bát-nhã Ba-la-mật.

Hoặc có người trì giới, không não hại chúng sanh, tâm không có hối tiếc, nếu thủ tướng rồi sanh chấp trước, nổi lên cạnh tranh, thì người ấy tuy không sân não chúng sanh, song đối với pháp có tâm ưa ghét cho nên lại sân não chúng sanh. Thế cho nên muốn không sân não chúng sanh, hãy thực hành quán chư pháp bình đẳng. Nếu phân biệt là tội là vô tội, thì chẳng phải thực hành Giới Ba-la-mật. Vì sao? Vì ghét tội, yêu không tội, thì tâm sanh tự cao, trở lại trong con đường não hại chúng sanh. Thế cho nên Bồ-tát quán người có tội, người không tội, tâm không ghét yêu. Quán như vậy là chỉ thực hành Giới Ba-la-mật mà đặc Bát-nhã Ba-la-mật.

Bồ-tát suy nghĩ rằng: Nếu không được pháp nhẫn, thì không thể thường nhẫn. Hết thấy chúng sanh khi chưa có gì bức bách thì nhẫn được; khi có sự khổ bức thiết rồi thì không thể nhẫn được. Ví như người tù sợ bị gậy đánh phải khổ chết. Do nhân duyên ấy nên sanh pháp nhẫn: Không có người đánh, người mắng, cũng không có người chịu; chỉ do nhân duyên quả báo điên đảo đời trước nên gọi là chịu. Khi ấy không phân biệt, ấy gọi là sự nhẫn. Pháp nhẫn là thâm nhập tất cánh không, ấy gọi là pháp nhẫn. Được pháp nhẫn ấy, thường không còn sân não chúng sanh. Tuệ tương ứng với pháp nhẫn là Bát-nhã Ba-la-mật.

Tinh tấn thường ở trong hết thấy thiện pháp, thành tựu được hết thấy thiện pháp. Nếu có trí tuệ trừ lượng phân biệt các pháp, thông đạt pháp tánh, khi ấy tinh tấn giúp cho thành trí tuệ.

Lại như thật tướng của tinh tấn là thân lìa tâm, như thật bất động. Tinh tấn như vậy, hay sanh ra Bát-nhã Ba-la-mật. Ngoài ra các sự tinh tấn khác là như huyễn, như mộng, hư dối phi thực, cho nên không nói. Nếu thâm tâm nhiếp niệm, thì như thật thấy thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp là không thể dùng thấy, nghe, suy nghĩ mà biết được. Vì sao? Vì sáu căn, sáu trần đều là nhân duyên quả báo hư dối. Những điều thấy biết trong ấy cũng là hư dối. Cái biết hư dối ấy, hoàn toàn không thể

tin. Điều có thể tin là chỉ có thật tướng trí tuệ của chư Phật trải A-tăng-kỳ kiếp chứng được. Vì trí tuệ ấy dựa nơi thiền định nhất tâm, quán thật tướng các pháp; ấy gọi là trong thiền định phát sanh Bát-nhã Ba-la-mật. Hoặc có khi lìa năm Ba-la-mật, chỉ nghe, đọc tụng, tư duy, trừ lượng thông đạt thật tướng các pháp, ấy là trong phương tiện trí phát sanh Bát-nhã Ba-la-mật. Hoặc từ hai, ba, bốn Ba-la-mật phát sanh Bát-nhã Ba-la-mật; như nghe một đế mà được thành đạo quả. Hoặc có khi nghe hai, ba, bốn đế mà thành được thành đạo quả.

Có người đối với Khổ đế còn mê lầm nhiều, nhờ nghe nói Khổ đế mà đắc đạo. Ba đế kia cũng như vậy. Hoặc có người mê cả bốn đế, nhờ nghe nói Bốn đế mà đắc đạo. Như Phật nói với Tỳ-kheo: Nếu người dứt được tham dục, Ta bảo đảm người chứng được đạo quả A-na-hàm. Nếu dứt được tham dục, thì nên biết sân, si cũng dứt. Trong sáu Ba-la-mật cũng như vậy. Vì phá tâm xan tham nhiều nên nói pháp bố thí, nên biết các ác khác cũng bị phá. Vì phá các tạp ác nên nói đủ sáu Ba-la-mật cho nên hoặc mỗi mỗi thực hành riêng, hoặc hợp lại thực hành. Khấp vì mọi người nên nói đủ sáu Ba-la-mật, chứ không phải vì một người.

Lại nữa, nếu Bồ-tát không hành hết thủy pháp, không thủ đắc hết thủy pháp nên đắc Bát-nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì các hành đều hư vọng không thật, hoặc gần có lỗi, hoặc xa có lỗi; như pháp bất thiện là gần có tội lỗi, còn pháp thiện lâu về sau, khi biến đổi thì người đắm trước nó hay sanh lo khổ, ấy là xa có tội lỗi. Ví như đồ ăn ngon, đồ ăn dở đều có tạp độc, mà ăn đồ ăn dở liền không vui, ăn đồ ăn ngon tức thời ngon vui; song lâu về sau, cả hai đều cướp mạng sống, nên không nên ăn cả hai. Các hành thiện, ác cũng như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy, sao Phật nói có ba hành là Phạm hành, Thiên hành, Thánh hành?

Đáp: Hành vô hành gọi là Thánh hành. Vì sao? Vì hết thủy Thánh hành, không ngoài ba môn giải thoát. Trong Phạm hành, Thiên hành, nhân thủ tướng chúng sanh mà sanh, tuy khi hành không có lỗi, nhưng về sau đều có lỗi. Lại chính ngay đây tìm tánh thật, thì đều là hư vọng. Nếu Hiền Thánh đem tâm vô trước thực hành hai hành đó, thì không có lỗi. Nếu được như vậy, hành pháp vô hành, hờn toàn không có gì đắc, thì phiền não điên đảo hư vọng rốt ráo không sanh. Như hư không thanh tịnh, nên đắc thật tướng chư pháp, do vô sở đắc là đắc; như trong đoạn vô sở đắc Bát-nhã đã nói.

Sắc pháp v.v... không phải không cho nên không, mà từ xưa đến nay thường tự không. Sắc pháp v.v... không phải vì trí tuệ hiểu không

thấu, cho nên nói không có gì được, mà chính từ xưa đến nay thường tự không có gì được. Thế không nên hỏi thực hành mấy Ba-la-mật thì đắc Bát-nhã! Các đức Phật thương xót chúng sanh, theo nghĩa thế tục mà nói hành, chứ không phải đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Nếu không có gì được, không có gì hành, sao hành giả cầu tìm nó?

Đáp: Không có gì được (vô sở đắc) có hai thứ:

1. Thế gian có chỗ mong cầu mà không được như ý, ấy là không có gì được (vô sở đắc).

2. Trong thật tướng các pháp, không có gì là tướng quyết định, nên gọi là không có gì được (vô sở đắc), chứ không phải không có phước đức trí tuệ tăng ích thiện căn; như người phạm phu phân biệt pháp trên thế gian nên có sở đắc.

Các công đức thiện cũng như vậy, tùy theo tâm thế gian nên nói có sở đắc, còn trong tâm chư Phật thì không sở đắc.

Ấy là lược nói nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật. Sau sẽ rộng nói.